

TÔNG CẢNH LỤC**QUYỂN 30**

Hỏi: Phàm, Bồ-tát muốn báo ân Phật, đều phải chẳng tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp Như Lai, cơ sao chỉ thuật nói nhất tâm năng báo đáp Từ hóa?

Đáp: “Đấng Giác vương giây phút sau cùng xót thương chỉ bảo chỉ khiến ở niệm xứ tu chân, bậc sơ tổ đầu tiên dạy truyền, chỉ chỉ tâm người là Phật. Nếu năng tin nhận là chân thật báo ân chỉ bày cho kẻ khác là chẳng phụ có trước, tự cứu tự khắc thành đại sự. Như trong luận Quán tâm của Đại sư Trí Giác có kệ tụng rằng: “Đại sư sắp diệt độ, từ phụ có dạy răn, tứ niệm xứ tu đạo phải nương giới luật sống, chúng ta chẳng Phật tử, chẳng nhớ dạy răn đó, nương thông thả vô đạo, giới buông đọa ba đường, do chẳng tin quán tâm, khiến người tin dần dạt, quạ đen chẳng cho ăn, đầu báo ân quạ trắng, chẳng chỉ ruộng không tốt, do hạt giống bình đẳng, mưa pháp nếu chẳng tuôn, giống pháp hắc khô cháy, mỗi không vốn đời sau, mất ba lợi khiến khổ. Đại pháp sắp muốn đổ, buồn thay thấy việc đó, vì nhân duyên vậy nên, phải tạo luận quán tâm, bình đẳng chân pháp giới, không đi cũng không đến. Nếu năng hỏi quán tâm, năng đi cũng năng đến, tức là Tứ niệm xứ, năng nương giới luật sống, nương trong gấp có đạo, giới gấp sinh trời người. Đó là chân Phật tử, chẳng trái lời từ phụ, trời rồng đều mến vui. Tất cả đâu chẳng mừng, năng báo ân quạ trắng, thí khắp quạ đen ăn, đã có ruộng tốt màu, có hạt giống bình đẳng, mưa pháp ứng thời tuôn, giống pháp đều sinh trưởng, mỗi có vốn tương lai, đều được ba lợi lạc, vì nhân duyên như vậy, nên tạo luận quán tâm, những người đến cầu pháp, muốn nghe đạo vô thượng, không biết hỏi quán tâm, nghe tuệ trọn chẳng phát, những người đến cầu pháp, muốn tư đạo vô thượng, chẳng biết hỏi quán tâm, tư tuệ trọn chẳng sinh. Những người đến cầu pháp, muốn tu đạo vô thượng, chẳng biết hỏi quán tâm, tu tuệ trọn chẳng thành. Những người đến cầu pháp, siêng tu bốn Tam-muội, không biết hỏi quán tâm, khôn khổ không được gì, những người đến cầu pháp, nghe nhiều được ngôn

ngữ, không biết hỏi quán tâm, chưa được vui chân thật. Những người đến cầu pháp, tu Tam muội đắc định, chẳng biết hỏi quán tâm, thiền mù không thấy gì, những người đến cầu pháp, muốn sám hối các tội, không biết hỏi quán tâm, tội trọn khó được thoát. Những người đến cầu pháp, ý muốn lìa phiền não, chẳng biết hỏi quán tâm, phiền não trọn chẳng diệt. Những người đến cầu pháp, ý muốn lìa phiền não, chẳng biết hỏi quán tâm, phiền não trọn chẳng diệt. Những người đến cầu pháp, vốn muốn lợi ích người, chẳng biết hỏi quán tâm, thói chuyển khiến người trách. Những người đến cầu pháp, muốn hưng hiển Phật pháp, chẳng biết hỏi quán tâm, lùi lại dơ tổn lớn. Những được mất như vậy, kẻ chẳng thể truyền đủ, có các được mất đó, mà không người giác ngộ, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Đời sau tu quán tâm, đắc tà định phát kiến, biện tài không cùng tận, tự cho báu của đời. Kẻ không trí mũi ngửi, chồn hoang khí xông mắt, quấy đuôi cùng nhau đi, lần lượt rơi hầm chết. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, giữ góc mũi an-ban và tu quán bất tịnh, an-ban đắc tứ thiền, chẳng khởi khổ nê-lê, bất tịnh là vô học, che bát nhận cơm người nữ. Nếu được theo thiền sinh, đọa nạn trời Trường thọ, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận Quán tâm. Theo sự pháp dùng tâm, không tuệ phát quý định, hiện động khác tâm vật, sự phá hoại Phật pháp, mạng chung sinh loài quý, chín mươi sáu quyến thuộc. Tượng pháp quyết định rõ, ba sự phá Phật pháp. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Trong tâm chẳng vì đạo, tà nịnh nghĩ lợi danh, dối hiện tướng tọa thiền, được quyến thuộc danh lợi, sự phá hoại người tin, hủy tổn chánh đạo Phật. Đó là Phiến đề la, chết đọa ngục vô gián. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Nói pháp được giải thoát chúng nghe pháp cũng vậy, chẳng biết hỏi quán tâm, như nghèo đếm của người, người nói hỏi quán tâm, không nói cũng không bày. Người nghe hỏi quán tâm, không nghe cũng không được, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Giới là chế tâm ngựa trọn chẳng điều, luật trú trì Phật pháp, giải ngoài chẳng giải trong. Tịnh Danh mắng tánh Thượng thủ, mới gọi thật trì luật, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận Quán tâm, tụng kinh được giải thoát, chẳng vì tài lợi đời. Nếu năng hỏi quán tâm, phá trong một mảy trần, ra đại thiên quyển kinh, người thọ trì đọc tụng, nghe trì không quên sót, tâm mở được giải thoát, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Khuyến hóa tu cúng dường, bày biện an hành nhân, kín tâm vì tự lợi, cây gá để dưỡng thân, hoại người vui bỏ thiện làm lạc đà, lừa để trả nợ người, nếu hay hỏi quán tâm, tức như lạc đà ngựa vậy. Vì nhân duyên như vậy,

phải tạo luận Quán tâm. Các đạo nếu có pháp, trọn chẳng tự nghiên tâm, chột lén nhìn Thích giáo, trải qua vài mươi năm, chẳng chỉ pháp kia vụng, cũng có mưu hại tâm. Đó là Ca-tỳ-lê, tiên thánh đâu nghe nói, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, phú quý mà vô đạo, lớn mạnh nhiều kiêu ngạo dật phóng, nếu năng hỏi quán tâm, được pháp thật phú quý, tuy cao mà chẳng nguy, tuy đầy mà chẳng tràn, chẳng đắm giàu sang đời, tâm thường tại đạo pháp. Vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận Quán tâm. Nghèo hèn nhiều gian nịnh, lén lút tạo các ác, sống bị phép vua trị, chết đọa ba đường ác. Nếu năng hỏi quán tâm, tức an bản dưỡng đạo. Có đạo tức chân thật, vô vi tức giàu vui, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm. Bốn chúng đều Phật tử, không gì là pháp thân, nhân chấp thiện pháp cải, bèn kết oán tương lai, nếu năng hỏi quán tâm, hòa hợp như nước sữa, đều con của sư tử, đều là rừng chiên-đàn, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, tuổi già thân vướng bệnh, mắt mờ tai dần điếc, tâm mê lắm quên lãng, tuổi chẳng như một tuổi, Kim súy điều vua chết, chẳng lâu nuốt mạng căn, một mai dây nghiệp đứt, tắt hơi đâu thể nói, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm, kính lạy mười phương Phật. Đấng từ sâu quán tâm, khuyên khéo chắc quan sát, phát diệu lạc chánh giác, kính lạy mười phương pháp, đại bi sâu quán tâm, khéo khuyên chắc quán sát được thoát các khổ thật, kính lạy mười phương tăng, đại chúng biển hòa hợp. Nếu năng khéo quan sát, tâm hoan hỷ vô lượng, kính lạy thầy Long Thọ, khiến chóng được mở hiểu, cũng thân bỏ ba tâm, nay nương sức Tam Bảo, lập ba mươi sáu hỏi. Trong đó các hỏi nhỏ, đối sự khó thể tính. Nếu quán một niệm tâm, hay đáp được hỏi đây, phải biết mất tâm mở, được vào ao trong mát, chẳng thể đáp hỏi đây, làm sao mù tối vậy, ít nghĩa còn chẳng thấy, sao năng hành đạo lớn, buồn thay trong mặt pháp, không có người hành đạo, giả sử có vài ba, sao riêng hỏi đây vậy? nên sinh tâm xót thương, quy mạng lễ tam bảo, làm luận hỏi tâm đây, khiến người quán mở sáng, nguyện mọi người thấy nghe, chớ sinh tâm nghi báng, túi nhận siêng tu tập, hẳn được pháp lợi lớn, cho đến kệ hỏi rằng: “Hỏi quán tự sinh tâm, cố sao bốn chẳng nói, lia hý luận chấp cãi, tâm tịnh như hư không, hỏi quán tự sinh tâm, cố sao là ma hành, nghiệp phiền não trói buộc, ba cõi nhà lửa cháy. Hỏi quán tự sinh tâm, cố sao là ngoại đạo, các kiến phiền não nghiệp, lưu chuyển trong lục đạo. Hỏi quán tự sinh tâm, cố sao là ba nghiệp, vụng độ đoạn kiến tư, ra nhà lửa ba cõi. Hỏi quán tự sinh tâm, cố sao là khéo độ, ba thừa chẳng đoạn kết, được vào hai Niết-bàn, hỏi quán tự sinh tâm, cố sao là Biệt giáo, cầu

quả thường Đại thừa, Bồ-tát dứt biệt hoặc. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào Viên giáo thừa. Chẳng phá hoại pháp giới, trú ba đức Niết-bàn. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào là Niết-bàn, tu bốn thứ Tam-muội, đắc vô sinh nhĩn thật, hỏi quán tự sinh tâm, thế nào khéo thành tựu. Hai mươi lăm phương tiện, điều tâm vào chánh đạo. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tự tâm, khởi mười thứ cảnh giới, thành nhất tâm ba trí, hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết mười cảnh? Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào là chẳng trú pháp? Vào sơ phát tâm trụ, và bốn mươi hai vị. Hỏi quán tự sinh tâm? Thế nào đắc sáu thông, dùng bốn nhiếp hành hóa, bốn biện không quá ngại. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào được tướng tốt? Thành hai thân ứng chân, đối duyên như gương ảnh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào đủ mười lực và bốn không khiếp sợ, trong ngoài chiếu dụng tròn. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ở quán tâm, năng được mười tám thứ, chẳng cùng khắp thế gian. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào được đại từ, đại bi ba niệm xứ, thương chúng không tướng khác. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào phương tiện khéo, thành tựu các chúng sinh, nghiêm tịnh tất cả cõi, hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ở tâm ấy, trang nghiêm cây Bồ-đề, lập đạo tràng thanh tịnh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào nhiếp ma oán, năng chế các ngoại đạo, khiến chúng đều quy kính. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ngồi đạo tràng, hiện bốn thứ thành Phật, ứng có không sai khác. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào chuyển bốn giáo, thanh tịnh diệu pháp thân, tất cả được cam lồ. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào hiện bốn Phật, bốn thứ tướng Niết-bàn, cứu cánh diệt không thừa. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết y chánh, bốn cõi thiên khí đồng, mà sắc cơm có khác. Hỏi quán tự sinh tâm, cơ sao nương tâm ấy là tất cả căn duyên, thông đạt không quá ngại. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tất đàn, không hình không điều nói, hiện hình rộng nói pháp. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tiệt đốn, pháp bí mật bất định, một lời nói bốn đó. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết bốn giáo, mỗi mở ra bốn môn, và tất cả pháp môn. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào ở bốn giáo, bốn môn mười sáu môn, làm luận thông các kinh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào trú diệt định, vào khắp mười pháp giới, rộng lợi ích chúng sinh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết bốn cõi, dùng giáo có thêm bớt, lợi khắp tất cả chúng. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tâm ấy, đủ tất cả Phật pháp, không một pháp ngoài tâm. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tâm ấy, tức pháp giới bình đẳng, Phật chẳng độ chúng sinh. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào biết tâm ấy, pháp giới như hư không. Rốt ráo không nhớ nghĩ. Hỏi quán tự sinh tâm, thế nào không văn tự, tất cả ngôn ngữ dứt,

vắng bật không nói năng”.

Nay căn cứ quán tâm trong một niệm tự sinh, lược nêu ba mươi sáu câu hỏi, ngoài quán tâm người và lâu cùng quyền thuộc thực hành bốn thứ Tam muội là, quán tâm kia nếu có thể mỗi mỗi thông đạt, phải sinh tâm như Phật tướng, thân gần vãng hành như bốn nương tựa vậy. Môn đồ quyền thuộc, nếu đối với đó mà không kẹt trệ, là đồng hành thật, là con cháu thật của đấng Pháp vương, tiếp nối làm ngôi sáng hạt giống Tam bảo khiến chẳng đoạn tuyệt. Nếu chẳng thể quán tâm ở một niệm tự sinh, mỗi mỗi đáp lời hỏi đó, tức là quyền thuộc của thiên ma ngoại đạo, bị nó dẫn dắt rong ruổi mới ở ba cõi lao ngục, chưa có kỳ hạn ra khỏi. Nếu tâm chẳng thích muốn cầu kéo ra, hẳn rơi đọa hầm hố nhị thừa ba đường xấu ác, tự dứt pháp thân tuệ mạng, giết mất quyền thuộc Bồ-đề, là phá cõi nước Phật pháp nhà cửa Đại thừa. Buồn thay! Buồn thay! Biết làm sao vậy? Nếu quán tâm tự sinh được mất như vậy, thì quán tha sinh, cộng sinh, không nhân sinh, tâm cũng như vậy. Giải thích: ba mươi sáu câu hỏi quán tâm đó, trên ngang bằng từ tâm của mười phương chư Phật, không ân nào chẳng báo đáp, dưới cùng bi ngưỡng của pháp giới quần sinh, có cảm đều ứng, cho đến diệu môn tu hành nghi quỹ độ sinh, giáo quán gồm chứa, lý sự viên thông, suốt quả gồm nhân, tự tha đều lợi, mười thân ứng khắp, bốn cõi bao hàm, chỉ quán tự một tâm, không gì chẳng đầy đủ. Như trong luận có kệ tụng nói: “Quạ đen chẳng cho ăn, đầu báo ân quạ trắng, chẳng chỉ ruộng không tốt, không hạt giống bình đẳng. Mưa pháp nếu chẳng tuôn, giống pháp hẳn khô cháy, mỗi không vốn đời sau, mất ba lợi khiến khổ”. Giải thích: kệ tụng trên nói rõ, chẳng tu quán niệm xứ tức là không hạt giống bình đẳng, chẳng nương giới luật mà sống, tức chẳng phải ruộng tốt. Tại sao? Phàm, quán niệm xứ của Đại thừa là quán thân ngũ ấm sinh tử chẳng phải khô rụi chẳng phải tươi tốt tức đại tịch định. Trong kinh Niết-bàn nói: “Sắc giải thoát Niết-bàn cho đến thức giải thoát Niết-bàn”. Nếu tu quán niệm xứ đó tức là quán tất cả chúng sinh trong sáu đường, tức là Đại Niết-bàn thường lạc ngã tịnh, đầy đủ tri kiến của Phật. Như trong kinh Thường Bất Khinh kiên tín thành tựu nói: “Thí cho kẻ ăn xin thấp hèn nhất trong thành cùng ngang bằng như cúng dường Đức Nan Thắng Như Lai”. Vậy thì đâu có thể phân biệt là ruộng hay chẳng phải ruộng, là có thể thí hay chẳng thể thí ư? Nên quán niệm xứ tức hạt giống bình đẳng. Nếu chẳng tu thì thấy sinh tử Niết-bàn có khác, phàm thánh có sai. Thánh là kính diên thì sùng ngưỡng mà cúng thí, phàm là bi diên, thì chán hèn mà chẳng xả, nên nói là không hạt giống bình đẳng. Nay

lấy vua để thí dụ, là thí dụ không hạt giống bình đẳng vậy, xưa kia có vị vua chỉ mượn quạ trắng để dụ cho thánh nhân, quạ đen để dụ cho phàm nhân, vua dụ cho chúng sinh chẳng tu niệm xứ, là người chẳng tu niệm xứ hạt giống bình đẳng vậy, nên kén chọn phân hai thứ ruộng bi và kính, nhưng bên trong không hạt giống bình đẳng là đạo của viên quán, ngoài thì chẳng thể hoằng tuyên xiển hóa Đại thừa, thì đâu có thể báo đáp ân Phật. Lại phá giới cấm của Như Lai, thì không có ruộng tốt, cho nên trong kệ tụng nói: “Mưa pháp nếu chẳng tuôn, giống pháp hẳn khô cháy”. Hai câu đó nói rõ bốn chúng không có của giới tuệ, thì thánh không ứng. Tại sao? Trong kinh Niết-bàn nói: “Thuần-đà tự nói: “Nay, thân tôi có ruộng tốt, không các thứ hoang dơ, chỉ mong Đức Như Lai mưa pháp cam lồ, mưa vào ruộng thân tôi, khiến sinh mầm pháp”, mà nay bốn chúng chẳng nương tựa niệm xứ tu đạo, thì không giống tuệ, chẳng nương giới luật mà sống, thì không ruộng tốt. Đã không giống thì chúng sinh không có để cảm thánh, đâu có thể vơi lấy ứng của thánh mưa pháp? Chúng sinh là mầm của Phật tánh, sao được chẳng khô rụi ư? Cho đến, trong không có thiện, ngoài không thánh ứng, mầm của giống pháp lại khô, đó thì mất Niết-bàn ở hiện tại và tương lai, vui của ba lợi, mà lại nhận chịu khổ trong ba đường xấu ác. Lại nữa, trong kệ tụng nói rằng: “Năng báo ân quạ trắng, thí khắp quạ đen ăn”. Giải thích: Kệ tụng đó nói rõ có hạt giống bình đẳng, lại có ruộng tốt, năng thí cho quạ đen ăn, năng báo ân quạ trắng. Tại sao? Phật là bậc thánh nhân năng giác ngộ chúng sinh, chẳng khiến bị ba độc, các răn độc phiền não làm tổn thương, tức là thánh nhân có ân đối với chúng sinh vậy. Như quạ trắng giác ngộ cho vua chẳng bị răn độc làm hại. Như trong kinh nói: “Nương tựa giáo mà tu hành, gọi là báo đáp ân Phật”. Mà nay người tu hành nương tựa quán tuệ niệm xứ, nương tựa giới luật mà sống, tức là nương tựa quán tuệ niệm xứ, nương tựa giới luật mà sống, tức là nương tựa giáo mà tu hành, gọi là báo đáp ân Phật. Lại năng đem hạnh của mình chỉ dạy dẫn dắt tất cả chúng sinh, tức là thí khắp tất cả cho quạ đen ăn, năng báo đáp ân của quạ trắng. Lại kệ tụng nói là: “Giữ góc mũi an-ban, và tu quán bất tịnh, an-ban đắc tứ thiền, chẳng khỏi khổ nê-lê, bất tịnh là vô học, che bát nhận cơm nữ, nếu được theo thiền sinh, đọa nạn trời Trường thọ, vì nhân duyên như vậy, phải tạo luận quán tâm”. Giải thích: Đây nói rõ lộn ngược của sự tướng tu thiền. Một câu góc mũi an-ban, là nêu chương môn tu tứ thiền hữu lậu và một câu tu quán bất tịnh, là nêu chương môn tu sự thiền vô lậu, giữ góc mũi, là an tâm tại mũi vậy. An-ban là sổ tức (đếm hơi thở), do sổ

tức nên năng đắc tứ thiên bát định, xưa kia có vị Tỳ-kheo đắc tứ thiên, cho là A-la-hán, lúc sắp chết phỉ báng Phật nên đọa vào địa ngục vậy. Xưa kia có vị Tỳ-kheo học quán bất tịnh, qua thời gian ngăn nhiếp phục tâm nên dục tưởng chẳng khởi, tự cho là thánh nhân, về sau ra nơi tụ lạc khát thực, thấy người nữ dâng cơm, dục tâm bèn phát, tình mê tâm say, che bát nhận thọ cơm của người nữ. Nhưng quán sở tức đắc thiên, nếu chẳng khởi phỉ báng và chẳng đọa địa ngục, mà tùy theo thiên thọ sinh, đọa vào nạn trời Trường thọ. Nên biết nếu với nhất tâm tứ niệm xứ mà tu đạo, chẳng quên lời dạy răn của đấng Từ phụ, là con cháu hiếu thuận chân thật. Nếu vào trong Tông kính, không ân nào mà chẳng báo đáp. Do đó, nếu tâm chánh thì muôn pháp đều chánh, nếu tâm tà thì muôn pháp cũng tà. Nếu lìa ngoài tự tâm muốn phá tà khác thì lập tự lập tha thấy tà thấy chánh. Như mặc áo giáp vào trận, vất lửa đốt ruộng mầu mỡ muốn phá địch xuống giống. Điều ấy không thể có, chỉ năng gìn giữ tự tâm tức là gìn giữ chánh pháp, cũng là nghĩ nhớ khắp mười phương tất cả Như Lai. Tự tâm hộ pháp đã vậy, chuyển hóa tâm kẻ khác như vậy, thì ngoài chánh không tà, cớ sao nói phá ngoài tà không chánh? Cớ sao nói gìn giữ? Thông minh như vậy, thật hộ chánh pháp, cho đến viên mãn đầy đủ tất cả pháp môn. Do đó, trong kinh Thủ-lăng-nghiêm có kệ tụng rằng: “Đem thân tâm này dâng tất cả, đó gọi là báo đáp ân Phật”. Trong kinh Đại Tập nói: “Nhân biết nơi sắc, đó gọi là chẳng phải pháp, nếu năng xa lìa, đó gọi là hộ pháp”. Nên biết khéo nhiếp các căn chẳng bị sáu trần xâm loạn, có thể gọi là chân thật hộ pháp vậy. Trong kinh Pháp Tập nói: “Bồ-tát chẳng phải gìn giữ các pháp. Thế Tôn! Nếu Bồ-tát chỉ năng khéo giữ tự tâm, đó là Bồ-tát gìn giữ tự tâm vậy nên năng thành tựu diệu pháp của chư Phật, cho đến thấy tự tâm như huyễn, thấy các pháp như huyễn như vậy mà tâm chẳng phải trong chẳng phải ngoài, hai khoảng trung gian có thể được, thấy các pháp như vậy, thấy tức như tâm, không ở sắc tướng, không thể được bày, không thể được thấy, không ở hình ngại, không thể nắm bắt, chẳng chiếu chẳng trú, thấy tất cả các pháp, tưởng nó như vậy. Nếu năng thấy như vậy thì Bồ-tát đó năng đắc tâm ở bình đẳng. Vì đắc tâm bình đẳng, Bồ-tát như vậy lại chẳng đắc ở pháp. Vì ngoài bình đẳng, không pháp riêng biệt, rõ pháp sai biệt tức là bình đẳng vậy. Nếu vào pháp môn bình đẳng đó thì biết tất cả pháp thấy đều là tánh không, chẳng sinh mền đấm, tức là không gì chẳng là nơi xả bỏ thân mạng vậy, cũng là nơi thành đạo, cũng là nơi chuyển pháp luân, cũng là nơi độ sinh cũng là nơi pháp diệt, cũng là nơi báo ân rất ráo, cũng là nơi thành mãn đại nguyện, cũng là nơi muôn

hạnh đầy đủ. Tại sao? Như nói muôn vật được đất mà sống, muôn hạnh được lý mà thành, là lý tức tâm vậy, hoặc hành hiếu tư, hoặc đối trung liệt, không gì chẳng do tâm đó thay? Như ở thời Võ Tắc Thiên (Vũ Hậu 685-705) thời Tiền Đường, có Mạnh Cảnh Hư đang lúc chịu tang mẹ, buồn đau hủy hoại gần đến muốn diệt tánh, có người em là Cảnh Vĩ đang nhỏ dại, Cảnh Hư lại đưa vú mình cho em bú, vú đó cho sữa chảy tràn. Lại nữa, Tất Cấu làm Lại bộ Thượng thư, mới đầu đang lúc chịu tang người mẹ kế dòng họ Tiêu, có hai người em gái dòng họ Lô đều đang còn nằm tã, Tất Cấu tự đưa vú mình cho ngậm bú, nuôi dưỡng đến lớn. Đó đều là sự cảm bởi hiếu hạnh, sữa ra từ tâm, chẳng phải hẳn định trên thân thể kẻ nam hay người nữ vậy.

Hỏi: Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi môn đều giải thoát, cứ sao riêng lấy môn nhất tâm làm chân thú?

Đáp: Môn nhất tâm đây là chân tánh giải thoát, Phật xưa xót thương chỉ dạy giải thoát của chư Phật, chỉ khiến cầu ở trong tâm hành của chúng sinh, chẳng cầu ở xứ khác. Tại sao? Chỉ nghĩa là tâm chúng sinh là tâm chư Phật, chư Phật giải thoát là chúng sinh giải thoát, tùy duyên chuyển biến, tự gọi là chúng sinh, duyên tánh thường không, Phật thật chẳng động, như băng vốn là nước đông, nếu muốn cầu nước, nên phải đến băng, băng nước tuy khác, nhưng tánh ướt chẳng hoại, thời tiết có khác, mà thể tánh không khuyết. Tin vào như vậy, gọi là giải thoát chân thật. Ngoài ra, các pháp môn, không gì chẳng tiến thủ. Do đó trên pháp hội Pháp Hoa, Đức Thế Tôn chúc lụy các Đại Bồ-tát nếu nói kinh đó phải vào ngày Phật tuệ mới có thể rộng chỉ bày, chân thật báo đáp ân Phật, nếu có người không tin nhận, phải ở trong các pháp khác, chỉ dạy lợi mừng, tức là diễn nói các pháp môn giải thoát khác. Nay trong Tông kính, chỉ luận giải thoát chẳng nghĩ bàn. Như trong Thai giáo có câu hỏi: “Bởi ý gì chẳng đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, mới là giải thoát chẳng nghĩ bàn? Đáp: Núi Tu-di đưa vào hạt cải, nhỏ chẳng chướng lớn, lớn chẳng tức nhỏ, nên nói chẳng nghĩ bàn vậy. Nay có phiền não mê hoặc, chẳng chướng trí tuệ Niết-bàn, trí tuệ Niết-bàn chẳng ngại kết hoặc, mới gọi là chẳng nghĩ bàn.

Lại nói về có thể không thể không sắc không tâm để nói rõ giải thoát không thể. Nếu quán sắc tâm chẳng thể nghĩ bàn tức là sắc tâm của pháp tánh, đầy đủ sắc tâm chẳng sinh chẳng diệt mà được giải thoát. Nên biết chân thiện diệu sắc là thể của diệu tâm vậy. Lại, diệu sắc trong lắng thường an trụ, lại sắc giải thoát Niết-bàn. Nếu không sắc là như người chết, nào được giải thoát. Cho đến ong vàng làm mật, nhện giăng

lưới, đều chẳng thể nghĩ bàn. Đều có giải thoát của tâm số pháp vậy. Vậy biết, rõ ngay tâm đó, không hành nào chẳng đủ, vì nhất tâm đầy đủ muôn hạnh, không một hạnh nào mà chẳng phải tâm vậy. Vả lại, như nói bố thí là lúc Đại Bồ-tát hành thí v.v... năng quán chỉ bàn biết cảnh là tâm, tức ngoài tâm không pháp, ba luân thể không, đó gọi là chân thí. Trì giới nghĩa là chứng duy tâm là niệm thường tịnh, vô minh cấu hết tức thành giới Phật, chỉ trong tâm Phật đủ các công đức, là quá nghĩa biên thì gọi là giới. Nhẫn nhục là quán chúng sinh là vọng thấy của duy thức, biết ngoài bản tâm không pháp đáng sân. Tinh tấn là Như Lai tinh tấn, nếu căn cứ tự hành, thường quán duy thức, nên trong luận Nhiếp Đại thừa nói: “Như Lai thường chẳng xuất quán nên tịch tĩnh”. Thiền định là Bồ-tát định, nghĩa là lúc quán duy thức chẳng thấy cảnh, tâm không duyên niệm thì là chân tịnh. Trí tuệ là Đại Bồ-tát đều quán tự tâm, ý nói phân biệt lấy làm cảnh giới, từ sơ phát tâm cho đến thành Phật đều quán như thế, đâu chỉ tứ đẳng lục độ thành Phật độ sinh, cho đến muốn gá chất đài sen, trọn vất bỏ thai tạng, sinh về Cực lạc v.v... cõi nước chư Phật. Du hý thần thông là đều năng rõ đạt tự tâm không đâu chẳng hóa đến. Lại nữa, đâu chỉ một hạnh một nguyện, phàm có tất cả mọi mong cầu không gì chẳng theo ý. Nên trong kinh Như Lai Bất Khả Tư Nghì Cảnh Giới nói: “Ba đời tất cả chư Phật đều không sở hữu, chỉ nương tựa tự tâm. Bồ-tát nếu năng rõ biết chư Phật và tất cả pháp đều chỉ tâm lượng, được tùy thuận nhẫn, hoặc vào sơ địa, xả bỏ thân, chóng sinh về thế giới Diệu hỷ, hoặc sinh về Cực lạc, trong tịnh độ Phật”. Trong luận Kim Cang Bát-nhã có kệ tụng rằng: “Trí tập duy thức thông, như vậy lấy cõi tịnh”. Trong luận Khởi Tín nói: “Người mới tin Đại thừa, chư Phật đều gồm sinh về cõi tịnh”. Trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Nếu năng giáo hóa chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới khiến hành thập thiện, chẳng bằng Bồ-tát chỉ như khoảng bữa ăn mà nhất tâm tĩnh lặng khiến vào pháp môn nhất tướng”. Trong kinh Đại Bát-nhã nói: “Phật bảo: Thiện Hiện! Phải biết Bát-nhã Ba-la-mật sâu mầu, là môn mà tất cả đổ vào”. Trong kinh Lăng-già có kệ tụng rằng: “Trong tất cả các độ, Phật tâm là thứ nhất”. Do đó trong tất cả các thừa, thừa đó là rốt ráo”. Trong Thai Giáo nói: “Chư Phật giải thoát tìm cầu trọng tâm chúng sinh nếu quán tâm hành chúng sinh vào bản tánh thanh tịnh trí, cùng nguyên tâm chúng sinh tức hiển bày quả giải thoát của chư Phật. Nếu thấy tâm chúng sinh là không, tức thấy cõi Phật là không, tức là tìm cầu trong tâm hành mà được ba thứ giải thoát. Tâm tánh chúng sinh tức là chân tánh giải thoát, si ái tức Phật tuệ giải thoát, các hành bất

thiện tức là phương tiện giải thoát”. Vậy biết nhất tâm chân tánh giải thoát đây năng không các thứ phiền não trói chín kết mười sử v.v... như một cây chiên-đàn cải đổi rừng y lan rộng bốn mươi do- tuần, đều tỏa hương thơm, năng khiến phiền não tức Bồ-đề vậy. Lại nữa, nếu đoạn hoặc sám tội, so với các tiệm giáo khác thì giống như ngàn cân bông hoa chẳng bằng một lượng vàng thật. Nên nói nếu muốn sám tội là phải đoạn tọa chuyên niệm thật tướng thì rõ ngay tâm vô sinh, giải thoát ngay đó. Trong Kim Quang Minh kinh sơ nói: “Tỳ-lô-già-na khắp tất cả xứ, hoặc đi hoặc đứng, hoặc tối hoặc sáng đều được chẳng lìa thấy Phật Thế Tôn. Đối với sáu căn không gì chẳng là Phật pháp, Kỳ-bà nắm cổ không gì chẳng là phương thuốc, hay lành bệnh tất cả. Thích-ma-nam nắm tất cả ngôi sỏi đều biến thành vật báu. A-na-luật bình bát không mà đều đầy cam lồ”. Nếu năng như vậy thì tội sở quán không gì là tội, tội tức là thật tướng. Phước của sở quán, phước tức chẳng phải phước, phước tức thật tướng. Thuần là thật tướng, đó gọi là đại sám hối vậy. Như trong kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát hạnh Pháp nói: “Quán tâm không tâm, từ điên đảo tướng khởi, tướng tâm như vậy từ vọng tướng khởi, như gió giữa hư không không nơi nương dừng, pháp tướng như vậy chẳng sinh chẳng diệt. Vậy gì là tội? Vậy gì là phước? Tâm ta tự không, tội phước không chủ. Tất cả các pháp đều cũng như vậy, không trú không hoại, sám hối như vậy”. Lại nữa, phạm có tội có thể phát lồ là chẳng phải chân thật sám hối, có thiện có thể thấy là chẳng phải chân thật phát nguyện. Nếu vào trong Tông kính thật rõ tự tâm thì không xứ không phương, tất cả đều thanh tịnh. Như trong kinh Thập Thâm Đại Hồi Hưởng nói: “Phật dạy: “Có ba thứ hồi hưởng, những gì là ba? Đó là quá khứ không, tương lai không và hiện tại không, không có hồi hưởng, cũng không pháp hồi hưởng, cũng không xứ hồi hưởng, Bồ-tát Ma-ha-tát thường làm hồi hưởng như vậy. Lúc làm hồi hưởng đó ba xứ đều thanh tịnh, dùng công đức thanh tịnh đó cùng tất cả chúng sinh đồng hồi hưởng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề. Làm hồi hưởng đó là không có phạm phu và pháp phạm phu, cho đến cũng không có Phật và hướng Phật. Tại sao? Pháp tánh vô duyên, chẳng sinh chẳng diệt không nơi dừng trú vậy”. Trong kinh Pháp Tập nói: “Bậc Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp chẳng cầu nơi rốt ráo. Tại sao? Vì Bồ-tát đó đối với tất cả pháp không gì chẳng là rốt ráo vậy. Bồ-tát đó chẳng cầu giải thoát, tất cả các pháp bản tánh tịnh diệt, không gì chẳng là giải thoát. Bồ-tát đó chẳng vui với một pháp, cũng chẳng nhàm chán một pháp. Bồ-tát đó đối với pháp của chư Phật, chẳng phải là pháp tự chẳng phải là pháp

khác, chẳng lấy một pháp chẳng bỏ một pháp”. Trong kinh Pháp Hoa nói: “Bấy giờ, Đức Phật bảo đại chúng Bồ-tát Thượng Hạnh v.v... thần lực của chư Phật như vậy, vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Nếu ta đem thần lực đó ở trong vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức A-tăng kỳ kiếp, vì chực lụy nên nói công đức kinh này cũng không thể hết được. Tóm lại mà nói tất cả pháp mà Như Lai có, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả kho tàng bí yếu của Như Lai, tất cả mọi sự sâu mầu của Như Lai, đều tuyên bày giải nói trong kinh đây”. Nên biết các đấng Giác vương trong ba đời, các bậc Đại sĩ ở mười phương, có tất cả pháp của chư Phật, tất cả môn thần thông gồm hóa, tất cả kho tàng tông chỉ bí yếu, tất cả mọi sự nhân quả sâu mầu, đều ở trong tâm đây không gì chẳng tròn đầy, nên nói ở trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp chực lụy pháp đó, tán thán công vô tác, đức vô sinh của tâm đây còn chẳng thể hết, đâu có thể sơ sài trong khoảnh khắc mà chỉ nói ư?

Tông Kính lục này là sở hành của bậc đại trí, là năng thọ của hàng thượng căn. Tuyệt bỏ thấy của hàng học si cuồng, dứt tâm am cỏ thấp kém, chẳng phải ôm hoài hạn lượng mà liền có thể mong cầu, nắm nghêu sao có thể rớt biển, chẻ cỏ sao có thể lường trời? Nếu gặp hàng đại có thể lại không thể đi nơi đường tắc mà phải y cứ Tông kính chỉ ngay bản tâm. Như trong kinh nói: “Không đem thức ăn uế tạp đặt để trong bình báu, không đem biển lớn đặt để trong dấu chân trâu”. Vậy biết đối với đây mà sinh tin rất là hiếm có. Tại sao? Tin Phật quả thì dễ, như mười phương chư Phật, tin Phật nhận thì khó như chúng sinh hiện nay. Nên trong Khởi tín sao nói: “Tin Thích-ca ở quá khứ, Di-lặc ở tương lai, v.v... các Phật như vậy thì là dễ. Nay có tin chân như trong tâm chúng sinh là phàm thánh đồng nương tựa, mê đó thì sáu thú không cùng, ngộ đó thì tam bảo chẳng dứt tuyệt, như vậy thật là hiếm có. Như tin hoàng hậu mang thai vua thì dễ, còn tin bần nữ mang thai thánh là khó. Cho nên nhiệm pháp tịnh pháp đều là mầm tâm, bản địa phát sinh lại không thai nghén khác”. Như trong Đại Thừa Trang Nghiêm kinh luận, Bồ-tát Vô Trước nói kệ tụng rằng: “Tự giới và hai sáng, si cùng các hoặc khởi, các phân biệt như vậy, hai thật nên xa lìa”. Giải thích: tự giới nghĩa là từ A-lại-da phân chủng tử, hai sáng tức là ánh sáng năng thủ và ánh sáng sở thủ. Các phân biệt đó v.v... do cùng với vô minh và các hoặc khác, nên được sinh khởi, các phân biệt như vậy, hai thật nên xa lìa, hai thật nghĩa là thật sở thủ và thật năng thủ. Hai thật như vậy nhiệm tịnh nên cầu xa lìa, giải nghĩa: đó cũng là nghĩa gom ngọn về gốc. Trong luận nói: “Người cầu học duy thức, năng thủ, và sở thủ, hai đó chỉ tâm sáng, sáng tham và sáng tin, hai

sáng không hai pháp”. Giải thích người cầu học duy thức phải biết năng thủ và sở thủ, hai thứ ấy chỉ là ánh sáng của tâm. Như vậy, ánh sáng tham v.v... các phiền não, và ánh sáng tin v.v... các thiện pháp. Hai ánh sáng như vậy cũng không hai pháp nhiễm tịnh. Tại sao? Chẳng lẽ ánh sáng tâm mà riêng có tham v.v... tin v.v... các pháp nhiễm tịnh. Hai ánh sáng cũng không tương. Trong kệ tụng nói: “Các thứ tâm sáng khởi, các thứ tướng như vậy thể sáng chẳng phải thể, chẳng được pháp thật kia”. Giải thích: các thứ tâm sáng, tức là các thứ sự tướng, hoặc khác thời mà khởi, đó là ánh sáng tham ánh sáng sân v.v... Hoặc đồng thời mà khởi, đó là ánh sáng tinh tấn v.v... thể ánh sáng v.v... là nhiễm vị tâm sở như vậy. Tịnh vị tâm sở chỉ có tướng sáng mà không có thể sáng, cho nên Đức Thế Tôn chẳng nói kia là pháp chân thật. Vậy biết, thể của muôn pháp chẳng vượt ngoài nguồn tâm già-na. Môn muôn thiện chẳng vượt ngoài biển hạnh Phổ Hiền. Tại sao chẳng vượt ngoài nguồn tâm già-na? Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói: “Cõi Phật số vi trần, các cõi nước như vậy, năng ở trong một niệm, hiện trong mỗi mỗi trần”. Thế nào là chẳng vượt ngoài biển hạnh Phổ Hiền? Như trong phẩm A-tăng-kỳ có kệ tụng nói: “Ở nơi đâu một sợi lông nhỏ, có không thể nói các Phổ Hiền, như một đầu lông tất cả vậy. Như vậy cho đến khắp pháp giới”. Tâm già-na đây tức là tâm Bồ-đề, hạnh Phổ Hiền đây tức là hạnh Bồ-đề. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói: Muốn thấy tất cả Phật mười phương, muốn thí vô lượng tạng công đức, muốn diệt các khổ não chúng sinh, cần nên chóng phát tâm Bồ-đề”. Người xưa nói: “Tâm Bồ-đề tức là gốc của muôn hạnh, tức phát tâm đó bèn gọi là hạnh.

Hỏi: Nếu riêng lấy nhất tâm giải thoát, ngoài ra đều chẳng phải, thì một chẳng gom thu tất cả, nghĩa pháp giới chẳng tròn, trái thừa rộng đây, mất lý khắp đó chẳng?

Đáp: Nếu căn có tròn đầy tu pháp đốn ngộ, thì nêu một bao gồm tất cả, không phải dùng phương tiện, chỉ vì hạn người chẳng vào nên phương tiện mở thành ba, cho đến tám vạn. Tuy tức mở ba nhưng vốn nói rõ một đạo. Do đó trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Lý như vậy đủ tất cả pháp. Nay Thiện nam! Trụ như lý là qua biển khổ”. Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói: “Có không là hai bên, lấy làm cảnh giới tâm, là pháp các cảnh giới, tâm bình đẳng vắng lặng”. Trong kinh Hiền Kiếp Định Ý nói: “Nếu lại bỏ mất tất cả sở hữu. Ở tại sở hữu lại không sở hữu, đó gọi là nhất tâm”. Trong kinh Pháp Cú nói: “Người sống thọ trăm tuổi, tình vui thích buông lung, chẳng bằng sống một ngày, hưởng tâm về không tịnh”. Phó Đại sĩ có kệ tụng rằng: “Chư Phật chẳng hứa

cầu danh ngoài. Đạt bản thân tâm tức là chánh”. Nên biết muôn pháp quy về tâm là đạo toàn vậy. Như trong Canh Tang tử Đạo Toàn Thiên nói: “Lỗ công đem lời thấp kém để hỏi, Canh Tang tử nói: “Tôi có thể nghe nhìn mà chẳng cần tai mắt, chẳng phải đổi cái dùng của tai mắt để nói lỗi người”. Lỗ công nói: “Ai như vậy, Quả nhân tôi thêm khác vậy. Đạo đó như thế nào? Quả nhân tôi mong sớm được nghe đó!”. Canh Tang tử nói: “Thế tôi hợp với tâm, tâm hợp với khí, khí hợp với thần, thần hợp với không. Đó có lớn vậy, có âm chỉ vậy, tuy xa cách ngoài tám hoang mà gần tại trong khước mắt, lại nơi tôi, tôi hẳn biết đó. Mới không biết bấy khiếu. Tôi đó là hay của tay chân, năm tạng của sáu phủ là chỗ biết của tâm lự, đó tự biết mà thôi vậy”. Hà Xán chú thích rằng: “Tâm hình hết sạch hợp thần khí ngậm phù, suốt thấu đến tâm cùng đồng thể không. Sau đó, tâm càng lắng mà trí càng xa, thần càng im mà chiếu càng rõ. Lý cực mà tự thông, chẳng tư duy mà thấy cao xa, chẳng phải là chỉ thần chí thánh thì ai có thể được cùng như vậy ư!” Đó là then chốt của linh nguyên là diệu đạo của trùng huyền ấy vậy. Do đó, trong ngoài chỉ quy phải ngậm phù hợp tâm thể thì suốt chiếu không sót vậy, bèn có thể hòa quang muôn hữu, thể nạp cả mười phương. Phàm nói hòa là chẳng phải có hai pháp năng và sở cùng thuận gọi là hòa. Như các bậc Cổ đức nói: “Phàm thánh mỗi riêng biệt, chẳng được gọi là hòa. Tâm thể lia niệm, chẳng được tướng chúng sinh, pháp giới tức ta, ta tức pháp giới, gọi là hòa”. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Bồ-tát Quán Thế Âm thưa Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con từ văn tư tu vào tam-ma-địa, mới đầu trong văn (nghe) vào lòng mất chỗ (sở), chỗ vào đã mất, hai tướng động tĩnh tự nhiên chẳng sinh, như vậy dần tăng, nghe và điều nghe hết, hết nghe chẳng trụ, giác và sở giác không, không và giác tròn đầy, không và chỗ không diệt, sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện ngay, chợt nhiên vượt quá thế gian và xuất thế gian, mười phương tròn sáng được hai thù thắng: một là, trên hợp với bản giác diệu tâm của chư Phật, cùng Phật Như Lai đồng một sức từ; hai là, dưới hợp với mười phương tất cả sáu đường chúng sinh, cùng các chúng sinh đồng một bi ngưỡng. Đó mới là vết năng sở tiêu mất, chân tục ngậm hợp, chẳng phải từ sự hành nhân khác mà đồng, chỉ rõ tâm không tự tha, muôn pháp tự nhiên một thể. Ngoại thư cũng nói: “Tâm hòa tức ngôn hòa, ngôn hòa tức nói khắp thiên hạ không miệng lỗi lầm, vì thân tâm hòa nên hành khắp thiên hạ không oán ghét. Đã cùng muôn pháp thể hòa, thì chẳng cùng vật tranh cãi”. Như trong kinh Hoa Thủ nói: Phật bảo: Xá-lợi-phất! Cho nên vị Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, phải biết quán sát tâm

đó là không tướng. Xá-lợi-phất! Những gì là tâm? Những gì là không tướng? Xá-lợi-phất! Tâm gọi là ý thức, tức là thức ấm ý nhập ý giới. Tâm không tướng là tâm không tướng tâm, cũng không tác giả. Tại sao? Nếu có tác giả, thì có kia làm mà người đây nhận thọ. Nếu tâm tác thì sự tác tự thọ. Xá-lợi-phất! Tâm đó tướng không có tác giả, không sai sử làm, nếu không tác giả, thì không tướng làm. Nếu người hý luận tướng tâm đó là thì cùng vô ngại không vô tướng tranh cãi. Nếu cùng vô ngại không vô tướng tranh cãi thì người đó cùng tranh cãi với Như Lai. nếu cùng tranh cãi với Như Lai, phải biết người đó là rơi lạc hầm sâu”. Vậy biết nếu vào trong biển Tông kính, đã nhiếp tất cả pháp môn khác, như lên núi pháp tánh đều thấy đến vô biên cảnh giới. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “thí như có người tắm trong biển lớn, phải biết người đó đã dùng nước của các sông suối ao hồ. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, tu tập Kim cang Tam-muội như vậy, phải biết đã là tu tập tất cả các Tam-muội khác”. Lại nói: “Thí như núi cao có người leo lên đó, xa trông nhìn các phương thấy đều rõ ràng”. Nên biết tự tâm không gì có thể vượt qua. Do đó trong giáo cũng gọi là pháp sâu mầu cũng gọi là thừa tối thượng. Do vậy, một pháp chỉ nam muôn đường thuận về. Chỉ có danh tự sai biệt, trọn không khác thể riêng bày, như có bài tụng nói: “Lúc các sắc tâm hiện, như vàng bạc ẩn nổi, vàng đặt tên khác sinh, cùng vàng không trước sau”. Vả lại, như vàng bạc ẩn nổi, hình của công đức, chỉ có khác tên, thể vàng chẳng động, ví tự nhất tâm hiện ra, đạo của phàm Thánh tuy lập tên khác mà tâm tánh không sinh, thấu đạt tên đó là không, thấy pháp như gương, tự nhiên dứt ý, ngầm hợp với chân tông vậy.